

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 -NGHỆ AN
Bản án số:**79/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 10 -12 - 2025
“V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tình - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Ông Chu Văn Khoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐST- HNGĐ ngày 05/11/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2025/QĐ-HPT ngày 21/11/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị S, sinh ngày 21/12/1992.

Địa chỉ nơi cư trú: xóm Q, xã V, tỉnh Nghệ An. (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

- Bị đơn: Anh Dương Văn N, sinh ngày 10/05/1984 .

Địa chỉ nơi cư trú trước lúc xuất cảnh: xóm Q, xã V, tỉnh Nghệ An.Đang ở nước Anh không có địa chỉ nơi cư trú, làm việc cụ thể (*Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nội dung bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian yêu đương tìm hiểu thì chị Phan Thị S và anh Dương Văn N quyết định xây dựng hôn nhân, đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 01/2012.Trước khi cưới chị

S, anh N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2012 ngày 12/01/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa tháng 6 năm 2014 thì anh N đi ra nước ngoài theo con đường bất hợp pháp để làm ăn. Anh N không cho chị S biết anh đến làm ăn tại nước nào cụ thể. Sau khi anh N đi ra nước ngoài thì anh không quan tâm, mất hết tình cảm đối với vợ, anh N chỉ liên lạc, kết nối thông tin với bố mẹ đẻ, người thân của anh N qua mạng Facebook. Từ đó chị S thấy anh N đã mất hết tình cảm, tình yêu với chị, nên chị S cũng không liên lạc để níu kéo hôn nhân, mà cắt đứt các quan hệ đối với anh N từ đầu năm 2015 cho đến nay. Do vợ chồng đã mất hết tình cảm tình yêu đối với nhau, hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ không thể hàn gắn, chị S đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương Văn N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương Phan Yến N1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/01/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung đang được chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh N và bên nội rất có trách nhiệm đối với con chung. Ly hôn chị S đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì con chung có nguyện vọng sinh sống với mẹ, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị S không yêu cầu giải quyết.

Theo kết quả xác minh tại Công văn số: 263/CV-CAX (AN) ngày 20/11/2025 của Công an xã V, tỉnh Nghệ An thông tin cho biết: Công dân Phan Văn N2, sinh ngày 10/05/ 1984 đã sử dụng hộ chiếu B8868265 để xuất cảnh ra nước ngoài vào ngày 20/6/2014 qua cửa khẩu Sân bay N3 hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Do nguyên đơn chị Phan Thị S không xác định được địa chỉ nơi làm việc, cư trú của bị đơn anh Dương Văn N tại nước A. Do đó Tòa án đã hai lần gửi công văn đến bà Phan Thị P là mẹ đẻ của bị đơn yêu cầu bà cung cấp địa chỉ nơi cư trú làm việc của anh Dương Văn N ở nước ngoài, nhưng bà P không cung cấp được.

Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Phan Thị P mẹ đẻ của anh Dương Văn N: Bà P khai và thừa nhận về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị S anh N đúng như nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày. Lý do anh N mất hết tình cảm tình yêu đối với chị S thì bà không biết. Hiện nay anh Dương Văn N đang làm ăn tại nước A, do con trai không cho bà biết địa chỉ cụ thể nơi cư trú, làm việc nên bà P không cung cấp được cho Tòa án để thực hiện uỷ thác tư pháp.

Đối với các văn bản tố tụng mà Tòa án tổng đạt cho bị đơn anh Dương Văn N thì bà P đã nhận thay cho con trai anh Dương Văn N. Bà P đã thông tin và thông báo cho anh N biết qua mạng xã hội, nên anh N biết rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết nuôi con của chị S đối với anh N tại Tòa án. Ý kiến của bị đơn anh

Dương Văn N là thống nhất, đồng ý ly hôn chị Phan Thị S; Về con chung anh N đồng ý giao con cho chị S nuôi con; về tài sản chung bị đơn anh N cũng không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị: Xử cho chị Phan Thị S được ly hôn anh Dương Văn N; Giao con chung cháu Dương Phan Yến N1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/01/2014 cho chị Phan Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho Dương Văn N vì chị S chưa yêu cầu. Anh Dương Văn N người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng điều 147 BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH17 ngày 30/6/2016.

Buộc nguyên đơn chị Phan Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết nuôi con chung đối với bị đơn anh Dương Văn N là Tranh

chấp hôn nhân và gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực. Bị đơn có nơi cư trú trước lúc xuất cảnh là tại xóm Q, xã V, Nghệ An, nên Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Do bị đơn anh Dương Văn N đang làm ăn tại nước ngoài, không cho mẹ đẻ của anh là bà Phan Thị P biết địa chỉ nơi làm việc cụ thể tại nước A. Do đó bà P không thể cung cấp được địa chỉ nơi làm của anh Dương Văn N cho Tòa án, để Tòa án thực hiện việc uỷ thác tư pháp. Căn cứ Điều 10 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Thì đây là trường hợp đương sự cố tình dấu địa chỉ, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Dương Văn N.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn vắng mặt có lý do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn tiếp tục đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt có lý do của nguyên đơn, xét xử vắng mặt không có lý do đối với bị đơn .

[2]Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị S và anh N được các bên tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật. Chị S, anh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã V, tỉnh Nghệ An) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:06/2012 ngày 12/01/2012, nên xác định hôn nhân giữa chị Phan Thị S và anh Dương Văn N là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị S anh N tan rã, đổ vỡ. Là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Do đó, sau khi anh N đi ra nước ngoài thì anh N cắt đứt các quan hệ vợ chồng, mất hết tình cảm đối với chị S. Với xử sự của anh N thì chị S cũng nhận biết được anh N đã mất hết tình cảm yêu đối với mình. Do đó chị S cũng không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị S và anh N đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được như chị S mong muốn, nay chị S yêu cầu toà án giải quyết ly hôn anh N là có căn cứ. Do đó cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phan Thị S được ly hôn anh Dương Văn N.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung cháu Dương Phan Yến N1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/01/2014. Con chung hiện nay đang được chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, với sự hỗ trợ của bên nội chị đã nuôi con tốt phát triển về mọi mặt. Do đó chị S đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung, quyền lợi của con chung được đảm bảo. Do đó cần xử chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị Phan Thị S.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Phan Thị S chưa yêu cầu anh Dương Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Dương Văn N.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Phan Thị S không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Phan Thị S phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2025; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật giải quyết các vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phan Thị S được ly hôn anh Dương Văn N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Dương Phan Yến N1 (Giới tính: Nữ), sinh ngày 08/01/2014 cho chị Phan Thị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con con chung cho anh Dương Văn N vì chị Phan Thị S chưa yêu cầu.

Anh Dương Văn N người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung

năm 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Phan Thị S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Án phí ly hôn sơ thẩm chị S phải nộp được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai nộp tiền số: 0000686 ngày 02/10/2025. Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND KV6-NA.
- THA DS-NA
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Vân Tụ -NA (Nơi ĐKKH)

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Vũ Anh Ngọc